

Số: 24 /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 3)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 3); Báo cáo thẩm tra số 630/BC-BKTNS ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 3) như sau:

Tổng nguồn vốn hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 93.542,384 tỷ đồng, gồm:

1.1. Vốn ngân sách địa phương là 79.254,912 tỷ đồng, gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách địa phương được giao là 35.504,5 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 18.299,1 tỷ đồng

- Nguồn thu tiền sử dụng đất là 7.500 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 7.700 tỷ đồng.
 - Ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu ngân sách năm 2021 là 1.000 tỷ đồng.
 - Bội chi ngân sách địa phương là 1.005,4 tỷ đồng.
- b) Nguồn vốn bổ sung trong giai đoạn 2021-2025 là 43.750,412 tỷ đồng, gồm:
- Nguồn thu tiền sử dụng đất là 2.000 tỷ đồng.
 - Nguồn khai thác đầu giá đất là 41.564 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn kết dư giai đoạn 2016-2020 là 186,412 tỷ đồng.
- 1.2. Vốn ngân sách trung ương là 14.287,472 tỷ đồng, gồm:
- a) Vốn trong nước là 12.254,872 tỷ đồng.
- b) Vốn nước ngoài là 2.032,6 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục I, II, IV, VI đính kèm)

Điều 2. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Giải pháp bổ sung:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở ngành có liên quan rà soát danh mục các khu đất dự kiến đầu giá trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và xây dựng phương án huy động nguồn đầu giá đất cho sát với thực tế, đảm bảo nguồn vốn khai thác quỹ đất để triển khai thực hiện các dự án trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định. Trong đó, tập trung khai thác nguồn thu sử dụng đất trong năm 2024 để hoàn thành và vượt kế hoạch.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở ngành có liên quan tập trung hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và có các giải pháp cụ thể để đảm bảo công tác triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 khả thi, hiệu quả và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Trong đó, nghiên cứu rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn và khả năng thu thực tế hằng năm theo quy định, trong đó tập trung bố trí vốn cho

các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm của tỉnh và các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh.

c) Tích cực huy động các nguồn lực đầu tư khác (nguồn vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nguồn vốn xã hội hóa...) để đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giảm áp lực cho nguồn vốn đầu tư công.

d) Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và Tỉnh ủy về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công và các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2023. / *phuo*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 40)	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	93.542.384	0	93.542.384	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	35.690.912	2.000.000	37.690.912	
1	Vốn ngân sách tập trung	18.330.960		18.330.960	
1.1	Ngân sách tỉnh	10.999.668		10.999.668	
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	10.430.487		10.430.487	
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	548.973		548.973	
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020	20.208		20.208	
1.2	Vốn ngân sách huyện	7.331.292		7.331.292	
a	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	7.319.640		7.319.640	
b	Nguồn vốn kết dư ngân sách tỉnh hỗ trợ các dự án xã hội hóa các năm trước	11.652		11.652	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	7.500.000	2.000.000	9.500.000	
a	Quỹ phát triển nhà	750.000	200.000	950.000	
b	Quỹ phát triển đất	2.250.000	600.000	2.850.000	
c	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	4.500.000	1.200.000	5.700.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	7.854.552		7.854.552	
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	4.389.000		4.389.000	
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	231.000		231.000	
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020	154.552		154.552	
d	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	3.080.000		3.080.000	
4	Ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu ngân sách năm 2021	1.000.000		1.000.000	
5	Bội chi ngân sách địa phương	1.005.400		1.005.400	
	<i>Trong đó</i>				
a	Vay lại vốn ODA	5.400		5.400	
b	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000		1.000.000	
B	NGUỒN KHAI THÁC ĐẦU GIÁ ĐẤT	45.000.000	(3.436.000)	41.564.000	
C	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	12.851.472	1.436.000	14.287.472	
I	Vốn trong nước	10.818.872	1.436.000	12.254.872	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực				
	<i>Trong đó</i>				
1	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	6.226.972	1.436.000	7.662.972	
2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	2.000.000		2.000.000	
3	Hỗ trợ có mục tiêu	2.591.900		2.591.900	
II	Vốn nước ngoài	2.032.600		2.032.600	



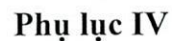
Phụ lục II

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN KHAI THÁC ĐẦU GIÁ ĐẤT (ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	KH 2021-2025 đã giao (NQ 40, NQ 13)			Điều chỉnh nguồn Đất	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh		
		NSTT	Đất	kết dư 2016- 2020		NSTT	Đất	kết dư 2016-2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	10.430.487	45.000.000	20.208	(3.436.000)	10.430.487	41.564.000	20.208
I	Đã phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 và Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	10.430.487	37.499.501	20.208		10.430.487	37.499.501	20.208
II	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 còn lại (chưa phân bổ chi tiết)	0	7.500.499	0	(3.436.000)		4.064.499	0



(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao (NQ 40)		Giao bổ sung tại Quyết định số 1984/QĐ-UBND 17/8/2023 của UBND tỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(1)	Tuyến đường nối Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh 769	7025231	LT-CM-TN	2016 - 2021	510 ngày 19/02/2016; 4185 ngày 20/11/2017 3892 ngày 29/11/2019; 4328 ngày 30/12/2019	272.606	179.244	40.700	40.700		40.700	40.700
	Khởi công mới											
	Nhóm B											
(1)	Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		Long Khánh	2021 - 2024	27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020, 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	1.082.000	500.000	1.050.000	500.000		1.050.000	500.000
(2)	Nâng cấp đường tỉnh 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán (vốn trung ương đầu tư đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến)		Tỉnh Đồng Nai	2021 - 2024	4121/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	599.946	170.000	475.303	170.000		475.303	170.000
(3)	Đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	7812822	Biên Hòa	2021 - 2024	178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019, 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021, 3533/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.289.160	400.000	1.100.000	400.000		1.100.000	400.000

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025 đã giao (NQ 40)		Giao bổ sung tại Quyết định số 1984/QĐ-UBND 17/8/2023 của UBND tỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(4)	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)		Biên Hòa	2020 - 2024	05/NQ-HĐND ngày 20/3/2020; 1580/QĐ-UBND ngày 13/5/2021, 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	3.131.000	813.450	3.013.450	813.450		3.013.450	813.450
III	Xã hội					49.952	45.000	32.200	32.200		32.200	32.200
	Chuyển tiếp											
	Nhóm B											
(1)	Dự án trung tâm công tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai	7615404	Biên Hòa	2020 - 2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, 4404/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	49.952	45.000	32.200	32.200		32.200	32.200



Phụ lục VI

BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐỐI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN CẤP ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN (ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Phân bổ nguồn vốn đầu tư công cấp huyện giai đoạn 2021-2025 (nguồn NSTT và XSKT)								Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025			
		Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung	Nguồn vốn kết dư (NST hỗ trợ XHH GTNT các năm trước)	Nguồn vốn xã số kiến thiết	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh		NSTW thường (vượt dự toán thu ngân sách năm 2021)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Giai đoạn 2024-2025	
						Tổng số	Trong đó:						
							Dự án mới						Dự án chuyển tiếp
1	2	3=4+...+8	4	5	6	7	7.1	7.2	8	9	10	11	12
	Tổng số	12.971.238	7.319.640	11.652	3.080.000	1.559.946	1.256.499	303.447	1.000.000	1.200.000	1.200.000	1.449.000	1.851.000
1	Thành phố Biên Hòa	1.704.299	969.002		407.742	77.555	75.555	2.000	250.000	373.200	354.000	270.000	Căn cứ tình hình thực tế của địa phương để xây dựng cho phù hợp.
2	Thành phố Long Khánh	1.061.660	603.670		254.016	133.974	133.974		70.000	51.000	72.000	90.000	
3	Huyện Nhơn Trạch	976.129	581.849	146	244.834	54.300	54.300		95.000	142.200	96.000	120.000	
4	Huyện Long Thành	1.014.797	590.799		248.600	80.398	80.398		95.000	301.200	336.000	420.000	
5	Huyện Trảng Bom	1.021.932	581.850	10.560	244.834	114.688	86.849	27.839	70.000	157.200	108.000	132.000	
6	Huyện Cẩm Mỹ	1.120.672	609.820		256.604	184.248	132.548	51.700	70.000	16.200	39.600	60.000	
7	Huyện Xuân Lộc	1.158.443	671.815		282.690	133.938	133.938		70.000	19.800	19.800	22.200	
8	Huyện Tân Phú	1.425.117	766.543		322.550	266.024	155.324	110.700	70.000	12.000	15.600	22.200	
9	Huyện Định Quán	1.299.363	722.230		303.904	203.229	145.729	57.500	70.000	39.000	42.000	47.400	
10	Huyện Thống Nhất	1.015.921	576.254	946	242.479	126.242	126.242		70.000	28.200	36.000	150.000	
11	Huyện Vĩnh Cửu	1.172.905	645.808		271.747	185.350	131.642	53.708	70.000	60.000	81.000	115.200	

Ghi chú:

- Chưa bao gồm vốn XHH phân bổ cho huyện hàng năm.
- Đối với nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, chỉ thực hiện phân bổ cho dự án cụ thể khi đủ điều kiện về hồ sơ, gồm:
 - + Ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh về phân bổ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án theo Điều 33 Luật Đầu tư công (cụ thể với số tiền, thời gian hỗ trợ).
 - + Dự án đã được cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư.